TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỌ XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 193/2025/QĐST-HNGĐ	*Thọ Xuân, ngày 27 tháng 6 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ vào các Điều 149; Điều 212; Điều 213; Điều 361 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức, thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 169/2025/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2025 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Chị **Hoàng Thị H**, sinh năm 1983; căn cước công dân số: 038183011660, cấp ngày 13/6/2023, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Anh **Trần Văn N**, sinh năm 1982; căn cước công dân số: 042082012234, cấp ngày 22/8/2023, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi ĐKHKTT: Thôn A, xã A, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nơi ở hiện nay: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị H và anh Trần Văn N có quan hệ là vợ chồng, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 30 tháng 10 năm 2005. Trong qúa trình chung sống, tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 15 năm thì đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong gia đình. Vợ chồng đã hòa giải, hàn gắn tình cảm nhưng không thành, nên từ tháng 02 năm 2020 đã sống ly thân. Nay chị H và anh N đều xác định không còn tình cảm vợ chồng, nên thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị Hoàng Thị H và anh Trần Văn N công nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Hoàng N1, sinh ngày 11/8/2009 và cháu Trần Hoàng Gia B, sinh ngày 01/01/2015.

Ly hôn, chị H và anh N tự nguyện thỏa thuận: chị Hoàng Thị H trực tiếp trông

nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là cháu Trần Hoàng N1 và cháu Trần Hoàng Gia B. Anh Trần Văn N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 3.000.000đ/tháng, kể từ ngày 01/7/2025 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

[3] Về tài sản, công nợ: Chị Hoàng Thị H và anh Trần Văn N thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị Hoàng Thị H và anh Trần Văn N thống nhất thỏa thuận: chị H chịu trách nhiệm nộp toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị H và anh Trần Văn N.

- Về con chung: Chị Hoàng Thị H và anh Trần Văn N có 02 con chung là cháu Trần Hoàng N1, sinh ngày 11/8/2009 và cháu Trần Hoàng Gia B, sinh ngày 01/01/2015. Chị Hoàng Thị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là cháu Trần Hoàng N1 và cháu Trần Hoàng Gia B. Anh Trần Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 3.000.000đ/tháng (ba triệu đồng chẵn), kể từ ngày 01/7/2025 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Trần Văn N có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản, công nợ: Chị Hoàng Thị H và anh Trần Văn N thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Hoàng Thị H và anh Trần Văn N thống nhất thỏa thuận: Chị Hoàng Thị H chịu trách nhiệm nộp toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ chị H đã nộp theo biên lai thu số 0006296 ngày 10/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Như vậy chị H đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- UBND xã Tây Hồ;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Lê Minh Tiến